

NỘI DUNG ĐÁP ÁN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 1		- Phát biểu định luật Ôm đối với toàn mạch: + Cường độ dòng điện chạy trong mạch điện kín tỉ lệ thuận với suất điện động của nguồn điện và tỉ lệ nghịch với điện trở toàn phần của mạch đó.	1,0
		- Biểu thức: $I = \frac{\xi}{R_N + r}$	1,0
Câu 2		- Những đặc điểm của vectơ cường độ điện trường tại một điểm: + Phương và chiều: trùng với phương và chiều của lực điện trường tác dụng lên điện tích thử q dương.	0,5
		+ Chiều dài (môđun): biểu diễn độ lớn của cường độ điện trường theo một tỉ lệ xích nào đó.	0,5
Câu 3		- Các đặc điểm của đường sức điện: + Qua mỗi điểm trong điện trường có một đường sức điện và chỉ một mà thôi.	0,5
		+ Đường sức điện là những đường có hướng. Hướng của đường sức điện tại một điểm là hướng của vectơ cường độ điện trường tại điểm đó.	0,5
		+ Đường sức điện của điện trường tĩnh điện là đường không khép kín. Nó đi ra từ điện tích dương và kết thúc ở điện tích âm.	0,5
		+ Số đường sức đi qua một diện tích nhất định đặt vuông góc với đường sức điện tại điểm mà ta xét thì tỉ với cường độ điện trường tại điểm đó.	0,5
Bài 1	a.	- Ta có: $U_{BA} = Ed_{BA} = 6.10^3.0,05 = 300$ (V).	0,75
		$U_{CA} = Ed_{CA} = 6.10^3.(-0,05) = -300$ (V).	0,75
	b.	- Công di chuyển điện tích q từ B đến A: $A_{BA} = q.U_{BA} = q = 4.10^{-12}.300 = 1,2.10^{-9}$ (J)	0,5
Bài 2	a.	- Ta có: $E_b = 4e = 4.4,5 = 18$ (V); $r_b = 4r = 4.0,5 = 2$ (Ω). $+ R_{td} = 8$ (Ω).	0,5
		- Định luật Ôm toàn mạch: $I = \frac{E_b}{R_{td} + r_b} = \frac{18}{8 + 2} = 1,8$ (A).	0,5
	b.	- Hiệu điện thế mạch ngoài: $U_N = I.R_{td} = 1,8.8 = 14,4$ (V)	0,25
		- Ta có: $U_1 = I_1.R_1 = I.R_1 = 1,8.5 = 9$ (V) (R_1 nt R_{23} nt R_b).	0,25
	c.	- Khối lượng Ag: $m_{Ag} = A I_b t / (nF) = A I t / (nF)$ $\Rightarrow m_{Ag} = 108.1,8.(16.60 + 5) / (1.96500) = 1,944$ (g).	0,5
	d.	- Nhiệt lượng tỏa ra trên R_1 : $+ Q_1 = R_1 I_1^2 t = 5.(1,8)^2.(1,5.60) = 1458$ (J).	0,5
TỔNG ĐIỂM			10,0

Truy cập Website: hoc360.net – Tải tài liệu học tập **miễn phí**

HẾT

hoc360.net